

CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ VÀ VẤN ĐỀ TRUNG QUỐC ĐƯƠNG ĐẠI

LƯU BỒN

Trong bài viết này, tác giả đã luận giải mối quan hệ giữa chủ nghĩa duy vật lịch sử với thực tiễn cải cách mở cửa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc, nhằm thúc đẩy quá trình Trung Quốc hoá chủ nghĩa Mác. Trong đó, tập trung vào một số nội dung chủ yếu sau: thứ nhất, vấn đề là cách ngôn và tiếng gọi của thời đại; hai là, Trung Quốc hoá chủ nghĩa Mác thông qua việc giải quyết các vấn đề bức thiết hiện nay của Trung Quốc; thứ ba, làm rõ tính chất song trùng của vấn đề thực tế mà Trung Quốc hiện đang gặp phải.

Tại lễ kỷ niệm 100 năm ngày sinh đồng chí Đặng Tiểu Bình, Tổng Bí thư Hồ Cẩm Đào đã phát biểu: “Chúng ta phải kiên trì chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Mao Trạch Đông, lý luận Đặng Tiểu Bình và thuyết “Ba đại diện”, tất cả đều được xuất phát từ thực tiễn, lấy vấn đề của thực tế cải cách mở cửa và xây dựng hiện đại hoá đất nước làm trung tâm, tập trung vận dụng lý luận chủ nghĩa Mác, đào sâu suy nghĩ về lý luận đối với các vấn đề thực tế, chú trọng vào các vấn đề thực tiễn mới và phát triển mới, không ngừng phát triển và làm phong phú chủ nghĩa Mác”.

Đó là phương châm chỉ đạo mà những người làm công tác nghiên cứu lý luận chúng ta phải luôn quán triệt. Đối với lĩnh vực nghiên cứu triết học, giữ vững nguyên tắc này chính là phải xử lý tốt mối quan hệ giữa triết học Mác với vấn đề cải cách mở cửa và xây dựng hiện đại hoá đất nước, đưa sự nghiệp Trung Quốc hoá triết học Mác không ngừng tiến lên phía trước.

1. Vấn đề là cách ngôn và tiếng gọi của thời đại

“Triết học chân chính là tinh hoa tinh thần của thời đại đó”. Câu cách ngôn của

C.Mác đã sớm trở nên quen thuộc đối với chúng ta và nó cũng được trích dẫn rất nhiều lần. Song, quen thuộc không có nghĩa là đã hiểu một cách chính xác, điều quan trọng là phải hiểu vì sao triết học chân chính lại trở thành tinh hoa tinh thần của thời đại.

“Triết học là thứ được đàm luận sau khi nghiên cứu”(1). Tiêu chí quan trọng nhất để đánh giá một nội dung triết học được nghiên cứu và đàm luận có thể hiện được tinh hoa tinh thần của thời đại hay không nằm ở chỗ, triết học đó có nắm bắt được vấn đề bức thiết của thời đại hay không. Bởi, “vấn đề là cách ngôn của thời đại, là tiếng gọi thực tế nhất thể hiện trạng thái nội tâm của bản thân thời đại đó”. Vấn đề là tiếng gọi của thời đại được công khai, liên quan đến mọi lĩnh vực, chi phối tất cả con người. “Một vấn đề bức thiết của thời đại, có lúc được coi là hợp lý vì có căn cứ về nội dung, nhưng khó khăn chủ yếu của vận mệnh chung là vấn đề chứ không phải là đáp án. Vì thế, sự phê phán chân chính là vấn đề cần phân tích chứ không phải là

(1) *Toàn tập Mác - Ăngghen*, q.1. Nxb Nhân dân, 1995, tr.123 (tiếng Trung).

đáp án. Mỗi một vấn đề nếu xuất phát từ thực tế thì đều có thể có được đáp án”. “Do vậy, câu đố của mỗi một thời đại rất dễ dàng tìm ra. Những câu đố này đều là những vấn đề bức thiết của thời đại”(2).

Sự sáng tạo về lý luận đi cùng thời đại chỉ có thể được thực hiện thông qua giải quyết các vấn đề thực tế mới. Vì thế, điều cốt yếu là phải đưa ra được vấn đề chính xác, đó cũng chính là tiền đề để giải quyết vấn đề. Nhà vật lý học nổi tiếng Anxxtanh cho rằng, việc đặt vấn đề quan trọng hơn giải quyết vấn đề, đặt vấn đề một cách chính xác đồng nghĩa với việc giải quyết được một nửa vấn đề. Chính vì vậy mà lôgic học hiện đại đã coi việc đặt vấn đề là đề tài khoa học quan trọng cần được nghiên cứu.

Giới lý luận học thuật chúng ta thường xuyên rơi vào những cuộc tranh luận liên miên suốt ngày suốt tháng mà không đem lại kết quả nào. Một số cuộc hội thảo nghiên cứu học thuật, giống như Khổng Tử nói, “Quần cư chung nhật, ngôn bất cập nghĩa, hiếu hành tiểu tuệ, nan hĩ tai”(3), nguyên nhân không phải bởi vấn đề đưa ra bất hợp lý mà là không đúng. Đặt vấn đề không hợp lý sẽ dẫn đến sai lầm về tư duy lý luận. Như một học giả nước ngoài đã nói, khó khăn do vấn đề đặt ra không phải vì sự vô tri dẫn đến không thể có được đáp án, mà do tính chất sai lệch của chính bản thân vấn đề. Ví dụ, một người đặt câu hỏi “Tuốcnovít là cái đục nào?” thay vì hỏi “Tuốcnovít là cái gì?”. Hiển nhiên, đối với những kiểu câu hỏi này, ngoài việc phủ định thì không thể có câu trả lời chính xác.

Tuy nhiên, trong công tác nghiên cứu lý luận của chúng ta từ trước đến nay, vẫn gặp không ít những cách đặt vấn đề như

vậy, chẳng hạn: “Cần chủ nghĩa xã hội nghèo đói hay là cần chủ nghĩa tư bản giàu có?”, “cần điểm cuối của chủ nghĩa xã hội hay là điểm đến của chủ nghĩa tư bản?”, “thuyết tương đối là lý luận của giai cấp nào?”, “làm thế nào để xây dựng khí công học chủ nghĩa Mác?”, v.v.. Trong thời điểm bùng phát cuộc khủng hoảng tài chính ở châu Á mấy năm trước, một số nhà lý luận chúng ta thay vì tìm kiếm mối liên hệ nội tại giữa cuộc khủng hoảng tài chính khu vực với quan hệ kinh tế tư bản chủ nghĩa toàn cầu lại tiêu phí phần lớn thời gian và sức lực vào tranh luận về mối quan hệ giữa khủng hoảng tài chính Đông Á với cái gọi là “Quan niệm giá trị châu Á”, kết quả là rơi vào cạm bẫy tuyên truyền lừa đảo của giai cấp tư sản phương Tây. Đây là những ví dụ điển hình của việc đặt vấn đề sai lệch do toan tính dùng chủ nghĩa duy vật lịch sử giải thích các vấn đề kinh tế hiện thực. Điều đó khiến chúng ta một lần nữa nhớ đến lời cảnh báo của V.I.Lênin: Chỉ cần chúng ta còn chưa học được cách vận dụng chủ nghĩa duy vật lịch sử đã được thấu tỏ qua lý luận kinh điển của C.Mác quan niệm về đạo đức, tôn giáo, chính trị để làm rõ những mối quan hệ lợi ích của các giai cấp này hoặc giai cấp kia, thì chúng ta sẽ mãi mãi là vật hy sinh bị người khác và chính bản thân mình lừa gạt trên vũ đài chính trị.

C.Mác nói rất chính xác rằng, sự phê phán chân chính là vấn đề cần phải phân tích chứ không phải là đáp án. Do vậy, có thể thấy, đúng như đồng chí Hồ Cẩm Đào đã nói, việc “phải quan tâm 3 vấn đề” là rất quan trọng.

(2) *Toàn tập Mác - Ăngghen*, q.1. Sđd., tr.203.

(3) *Luận ngữ*. Vệ Linh Công thập ngữ.

2. Trung Quốc hoá chủ nghĩa Mác được thực hiện thông qua việc giải quyết các vấn đề bức thiết của Trung Quốc

C.Mác viết: “Bản thân thế giới, không còn cách nào khác ngoài việc lấy các vấn đề mới để trả lời và giải quyết các vấn đề cũ”(4).

Đất nước Trung Quốc với nền văn minh 5 nghìn năm lịch sử đã trải qua những giai đoạn huy hoàng. Vậy, vì sao tới thời cận đại, nó lại bị suy tàn? Từ thế kỷ thứ VII cho đến thế kỷ thứ XIII, về các mặt kinh tế, văn hoá, Trung Quốc đều đứng hàng đầu thế giới, nhưng từ thế kỷ thứ XVI đến cuối nhà Minh, đầu nhà Thanh, khi các nước Tây Âu lần lượt chuyển từ xã hội phong kiến sang tư bản chủ nghĩa, thì Trung Quốc vẫn dừng lại ở xã hội phong kiến với nền tảng kinh tế tự nhiên tự cung tự cấp: chủ nghĩa chuyên chế về chính trị, văn hoá đè nén mọi mầm mống mới manh nha của chủ nghĩa tư bản. Điều nghiêm trọng ở đây không phải do hoàn cảnh khách quan, mà là do sự vô ý thức của con người thời đó.

Khi C.Mác tuyên bố “Lịch sử đã chuyển thành lịch sử thế giới”, “bóng ma của chủ nghĩa cộng sản đang phiêu dạt tại châu Âu”, vương triều nhà Thanh vẫn duy trì cái nhìn hạn hẹp, tự cho mình là đế quốc trung ương to lớn, vĩ đại hơn mọi dân tộc khác, các quốc gia khác không thể so sánh với “Thiên triều”. Khi những kẻ thực dân mang dã tâm chinh phục tới Trung Quốc, mở toang cánh cửa Trung Quốc, nhà Thanh vẫn cho rằng chúng chỉ là những kẻ ngoại quốc đến từ các quốc gia man di nhỏ bé, không bận tâm tìm hiểu xem các quốc gia đó như thế nào, tự đóng cửa không quan tâm đến thế giới rộng lớn và đầy biến động bên ngoài.

Khi đó, toạ độ của lịch sử Trung Quốc nằm ở điểm giao thoa giữa chiều dài lịch sử Trung Quốc và lịch sử thế giới. “Sự biến chưa từng có trong suốt 3 nghìn năm” đã khiến Trung Quốc trong phút chốc trở thành vũ đài quan trọng của cuộc đấu tranh giữa các thế lực trên thế giới. Cuộc sống của nhân dân Trung Quốc rơi vào cảnh lầm than, bước vào thế kỷ XX với sự ô nhục bị giày xéo dưới đế giày của các cường quốc đế quốc chủ nghĩa. Vấn đề mà Trung Quốc phải đối mặt không chỉ là sự suy sụp, mà còn liên quan tới nguy cơ tồn vong, sinh tử của cả một dân tộc. Nói một cách khái quát, Trung Quốc đang phải đối mặt với 3 vấn đề: “Làm thế nào để chống lại quân xâm lược ngoại bang, giành độc lập dân tộc? Làm thế nào để thoát khỏi bóng đêm và sự ngu muội do nền thống trị chuyên chế phong kiến gây ra? Làm thế nào để thay đổi diện mạo nghèo nàn lạc hậu, đưa đất nước trở nên phồn vinh giàu có? Đây là những vấn đề chính mà đất nước Trung Quốc nửa phong kiến nửa thực dân phải đối mặt, cũng là những vấn đề lớn đang giày vò tầng lớp trí thức tiên tiến của Trung Quốc”(5).

Tầng lớp trí thức yêu nước tiên tiến nhanh chóng ý thức được bản chất và tính nghiêm trọng của vấn đề. Họ phát động, tổ chức các phong trào đấu tranh với mong muốn cứu vãn nguy cơ mất nước. Có thể kể đến cuộc đấu tranh chống chiến tranh nha phiến, cách mạng Thái Bình Thiên Quốc, phong trào Dương Vụ, Bách Nhật Duy Tân, Nghĩa Hoà Đoàn, Cách mạng Tân Hợi... Sở

(4) *Toàn tập Mác - Ăngghen*, q1, Sđd., tr.123.

(5) Hồ Thành (chủ biên): *Bảy mươi năm Đảng Cộng sản Trung Quốc*. Nxb Lịch sử Đảng Cộng sản Trung Quốc, 1991, tr.2 (tiếng Trung).

dĩ các phong trào đó không đạt được mục đích ban đầu đề ra là do nhiều nguyên nhân phức tạp; trong đó, điều quan trọng nhất là tất cả đều không nắm được cốt yếu của vấn đề. Dưới đây xin lấy hai ví dụ:

Một là, phong trào Dương Vụ. Những người phát động phong trào này đều không nhận thức được bản chất của chủ nghĩa đế quốc cũng như sự thối nát của vương triều phong kiến nhà Thanh. Chính vì không hiểu rõ vấn đề suy bại của Trung Quốc, nên sự nỗ lực của họ cũng chỉ tạo nên một số thay đổi về văn hoá sau này trong một chừng mực nào đó. Họ gửi gắm hy vọng tạo nên sự thay đổi vào vương triều phong kiến vốn đang hấp hối suy tàn. Kết quả là, có những thứ vốn mang ý nghĩa tiến bộ, song khi qua tay họ, đã trở thành một thứ quái thai mang màu sắc nửa phong kiến, nửa thực dân, tây không ra tây, ta không ra ta. Phái Dương Vụ chỉ nhìn thấy cái lợi trước mắt, nôn nóng vội vàng mà không tìm cách trị tận gốc vấn đề, ảo tưởng rằng chỉ cần khoác lên cái cơ thể phong kiến mục nát chiếc áo giáp phương Tây là có thể “cải tử hoàn sinh”. Kết cục của nó chỉ là một đống đổ nát.

Hai là, cách nhìn nhận của mọi người về Hội nghị Hoà bình Pari mà thực chất là hội nghị phân chia thuộc địa sau khi chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc. Một số người coi Tổng thống Mỹ Wilson là vị cứu tinh, tung hô “nước Mỹ vạn tuế!”. Ngay cả Trần Độc Tú khi đó cũng không ngớt lời ca tụng “công lý chiến thắng cường quyền”, đặt hy vọng vào “Hội nghị liên hợp quốc tế” mà Wilson tuyên truyền. Riêng Lý Đại Chiêu, nhờ tiếp thu thế giới quan duy vật lịch sử, đã nhìn ra nguyên nhân chính của chiến tranh là kết quả của việc chủ nghĩa

tư bản đã phát triển đến giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Sự phân kỳ của Lý Đại Chiêu và Trần Độc Tú đối với vấn đề này có ý nghĩa rất quan trọng, thể hiện sự đối lập của hai loại hình thế giới quan triết học lịch sử: thế giới quan duy vật lịch sử của C.Mác và thế giới quan tiến hoá lịch sử mà nền tảng là chủ nghĩa Darwin. Chỉ sau khi phong trào văn hoá mới - “Phong trào Ngũ Tứ” - diễn ra, tầng lớp trí thức mới rũ bỏ thế giới quan tiến hoá lịch sử “cá lớn nuốt cá bé” u tối của giai cấp tư bản, tiếp thu thế giới quan duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác, đặt vấn đề bức thiết mà Trung Quốc đang phải đối mặt vào dòng chảy lịch sử thế giới, nhìn trúng thực chất vấn đề Trung Quốc.

Nắm bắt trúng vấn đề chính là phân tích mâu thuẫn, đó không phải là một việc đơn giản, điều kiện cơ bản là phải được chỉ đạo bởi lý luận tiên tiến. Suốt gần 80 năm, kể từ chiến tranh nha phiến năm 1840 đến phong trào Ngũ Tứ năm 1919, lớp người mới của Trung Quốc đã mò mẫm trong bóng đêm dày đặc để tìm kiếm chân lý cứu nước. Tuy nhiên, họ không thể nắm bắt một cách chính xác vấn đề bức thiết của Trung Quốc khi đó, nguyên nhân chính là bởi họ không có một chính đảng được vũ trang bằng lý luận tiên tiến. Ngay từ khi ra đời, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã ra sức tập trung học tập, vận dụng lập trường, quan điểm, phương pháp của chủ nghĩa Mác để nhận thức và phân tích vấn đề thực tế mà Trung Quốc đang gặp phải; chỉ rõ sự cần thiết phải coi việc nỗ lực nghiên cứu tình hình thực tế khách quan của Trung Quốc, tìm ra phương án thực tế phù hợp nhất để giải quyết vấn đề Trung Quốc là nhiệm vụ hàng đầu. Trong quá trình khắc

phục chủ nghĩa kinh nghiệm coi nhẹ lý luận và chủ nghĩa giáo điều xa rời thực tế, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã dần nhận thức rõ mâu thuẫn chính và mâu thuẫn cơ bản trong xã hội, nắm chắc vấn đề bức thiết nhất của Trung Quốc khi đó; tiếp theo là làm rõ tính chất, đối tượng, động lực và lực lượng lãnh đạo cách mạng Trung Quốc, đề ra cương lĩnh cách mạng dân chủ phản đế phản phong. Điều đó cho thấy, chỉ có giải quyết một trong ba vấn đề nêu trên mới có được thắng lợi của cách mạng dân chủ mới. Tư tưởng Mao Trạch Đông, lý luận Đặng Tiểu Bình và thuyết “Ba đại diện” chính là thành quả vĩ đại của quá trình Trung Quốc hoá chủ nghĩa Mác, là sự kết tinh lý luận từ thực tiễn trong hơn 80 năm chiến đấu gian khổ của Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Tất cả những điều nêu trên đã chứng minh rằng, nếu không có sự lãnh đạo của một chính đảng cách mạng được vũ trang bằng lý luận cách mạng tiên tiến - lý luận được tìm tòi, kiểm nghiệm thông qua thực tiễn cách mạng gian khổ, được phân tích khoa học và nắm bắt một cách chính xác vấn đề bức thiết mang tính đặc trưng của thời đại, thì không thể có sự sáng tạo về lý luận, không thể có được lý luận đi cùng thời đại, càng không thể đưa sự nghiệp Trung Quốc hoá chủ nghĩa Mác tiến lên phía trước.

3. Tính chất song trùng của vấn đề thực tế mà Trung Quốc hiện nay đang gặp phải

Làm rõ vấn đề thực tế bức thiết mà Trung Quốc hiện nay đang gặp phải có liên quan tới việc liệu có thể lý giải một cách đầy đủ và chính xác lý luận chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung Quốc của Đặng

Tiểu Bình (đặc biệt là luận đoán về bản chất của chủ nghĩa xã hội) hay không; liệu có thể lý giải được mối quan hệ giữa “lợi dân làm gốc” và xây dựng kinh tế là trung tâm hay không cũng như có thể giải được quan niệm phát triển khoa học hay không.

Chúng ta đã bàn đến một trong ba vấn đề trọng đại mà Trung Quốc gặp phải vào đầu thế kỷ XX, ba nội hàm của vấn đề này gắn bó chặt chẽ và phụ thuộc lẫn nhau. Trải qua cuộc đấu tranh cách mạng dân chủ gian khổ suốt 28 năm, kể từ khi Đảng Cộng sản Trung Quốc thành lập và sự phấn đấu vô cùng gian khổ để kiến lập nước Trung Quốc mới - một quốc gia có độc lập chủ quyền, vấn đề độc lập dân tộc có thể coi là đã được giải quyết. Tuy nhiên vẫn còn vấn đề thống nhất dân tộc: sự đôn nén, phân hoá, tây hoá, uy hiếp của chủ nghĩa đế quốc vẫn chưa hoàn toàn bị xo bỏ. Nền thống trị chuyên chế phong kiến Trung Quốc đã bị lật đổ, song tàn dư của nó vẫn còn tồn tại, cản trở sự phát triển của con người cũng như tiến bộ xã hội. Nạn lạc thay đổi bộ mặt nghèo nàn lạc hậu đem lại những thành tựu to lớn khiến thế giới phải kinh ngạc. Trung Quốc được ví như người khổng lồ đang tỉnh giấc, nhưng vẫn chỉ là một nước đang phát triển.

Trong lịch sử nhân loại, việc giải quyết bất cứ một vấn đề lịch sử nào cũng đều diễn ra hết sức khó khăn, phức tạp và lâu dài, có lúc phải làm lại từ đầu hoàn toàn. Thực tế mà nói, một trong ba vấn đề nêu trên chưa phải là đã được giải quyết triệt để, nhưng nó đã làm thay đổi hình thái của vấn đề: vấn đề cũ chuyển đổi thành vấn đề mới. Trước kia là giành độc lập dân tộc, hiện nay là bảo vệ hoà bình thế giới, phản

đối nên chính trị cường quyền của chủ nghĩa bá quyền, bảo vệ chủ quyền quốc gia độc lập, thực hiện thống nhất đất nước; thay đổi triệt để diện mạo nghèo nàn lạc hậu. Nói cách khác, đó là phải thực hiện hiện đại hoá chủ nghĩa xã hội thông qua cải cách mở cửa. Như vậy, vấn đề cũ đã chuyển thành ba nhiệm vụ lịch sử lớn mà Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã đề ra: trong bối cảnh cơ hội và thách thức trong và ngoài nước cùng song song tồn tại, cần phải “xây dựng toàn diện xã hội khá giả; tiếp tục đẩy nhanh xây dựng hiện đại hoá, hoàn thành thống nhất Tổ quốc, bảo vệ hoà bình thế giới và thúc đẩy phát triển cộng đồng”(6).

Hiện nay, chúng ta đang thực hiện di huấn của C.Mác: “Lấy vấn đề mới để trả lời và giải quyết vấn đề cũ” và tập trung phân tích vấn đề bên trong có liên quan đến “tiếp tục đẩy nhanh xây dựng hiện đại hoá”.

Cái gọi là “vấn đề bên trong” liên quan đến con đường thực hiện hiện đại hoá. Lịch sử thế giới ghi nhận hai con đường cơ bản để thực hiện hiện đại hoá, đó là con đường tư bản chủ nghĩa và con đường xã hội chủ nghĩa. Đối với Trung Quốc, việc lựa chọn con đường nào là vấn đề vô cùng quan trọng, bởi nó liên quan đến tính mệnh của cả dân tộc. Do vậy, chúng tôi xin được gọi đó là “vấn đề bên trong”.

Để thực hiện hiện đại hoá xã hội, cần phải coi giải phóng và phát triển lực lượng sản xuất là điều kiện tiên quyết. Điểm mấu chốt ở đây là phát triển lực lượng sản xuất bằng cách nào, giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản có những khác biệt cơ bản gì? Đối với một quốc gia đông dân như Trung Quốc, điều này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Theo C.Mác, giữa phát triển con người và phát triển xã hội luôn tồn tại mâu thuẫn. Để lý giải một cách toàn diện, sâu sắc quan điểm của C.Mác về lĩnh vực này, hiểu rõ những mối quan hệ của nó, chúng tôi xin trích dẫn một số đánh giá trong các tác phẩm có liên quan của C.Mác, điều này có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với việc nghiên cứu vấn đề Trung Quốc hiện nay của chúng tôi.

Trong lịch sử học thuyết kinh tế, có người mang thái độ của chủ nghĩa duy cảm, chỉ trích nhà kinh tế - chính trị học cổ điển Anh David Ricardo chỉ chú trọng vào sản xuất mà coi thường yếu tố con người. Đối với vấn đề này, C.Mác đã đưa ra sự biện hộ đầy đủ cho thái độ khoa học chân thực của David Ricardo. Ông cho rằng, D.Ricardo đã coi phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa là phương thức sản xuất có lợi nhất cho việc sản xuất và làm ra của cải, đối với thời đại khi đó, D.Ricardo đã hoàn toàn chính xác. D.Ricardo quan niệm sản xuất vì sản xuất, đó là đúng đắn. Nếu những người theo chủ nghĩa duy cảm quả quyết bản thân sản xuất không phải là mục đích, thì họ đã quên rằng, mục đích của sản xuất vì sản xuất là phát triển lực lượng sản xuất và đó cũng chính là phát triển tài sản sẵn có của nhân loại. Nếu Sismondi coi lợi ích cá nhân đối lập với mục đích này và chủ trương bảo đảm lợi ích cá nhân, thì sự phát triển của toàn nhân loại phải chịu hạn chế, nghĩa là không thể gây ra bất cứ cuộc chiến tranh nào bởi chiến tranh sẽ gây ra thương vong cho con người. Kiểu phát triển tài năng của loài “người”,

(6) Xem thêm *Quyết định của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về vấn đề tăng cường xây dựng năng lực Đảng cầm quyền*.

tuy giai đoạn đầu cần dựa vào sự hy sinh số lượng cá nhân lớn, thậm chí là hy sinh cả một giai cấp, nhưng cuối cùng khắc phục được đối kháng này, thì sẽ thống nhất được với sự phát triển của mỗi cá nhân. Do vậy, sự phát triển tương đối cao của cá tính phải trả giá bởi sự hy sinh cá nhân. Con người cũng giống như giới động thực vật, lợi ích của một chủng tộc luôn phải dựa vào hy sinh lợi ích cá thể để mở đường đi cho chính mình. Sở dĩ như vậy vì lợi ích của chủng tộc thống nhất với lợi ích của cá thể đặc thù, sức mạnh của một số cá thể đặc thù này cũng chính là tính ưu việt của chúng(7).

C.Mác còn chỉ ra rằng, “Thời kỳ lịch sử của giai cấp tư sản có sứ mệnh tạo cơ sở vật chất cho thế giới mới, *một mặt*, hình thành sự giao tiếp phổ biến làm nền tảng, dựa vào nhau cùng tồn tại của toàn nhân loại. *Mặt khác*, phải phát triển lực lượng sản xuất của con người, biến sản xuất vật chất thành sự thống trị khoa học đối với thiên nhiên. Nền công nghiệp và thương mại của giai cấp tư sản tạo ra điều kiện vật chất cho thế giới mới, giống như sự thay đổi địa chất đã hình thành bề mặt địa cầu ngày nay. Chỉ khi cách mạng xã hội vĩ đại chi phối những thành quả của thời đại giai cấp tư sản, chi phối thị trường thế giới và lực lượng sản xuất hiện đại, đồng thời làm cho tất cả đều phục tùng sự giám sát chung tiên tiến nhất, thì tiến bộ của nhân loại mới có thể khác biệt với thần thánh dị giáo đáng sợ, chỉ có lấy đầu lâu của kẻ bị giết làm cốc mới có thể uống được những giọt rượu ngọt ngào”(8). C.Mác cho rằng, về phương diện này, tư bản có “vai trò văn minh vĩ đại”: vừa khắc phục được sự giới hạn dân tộc và phiến diện dân tộc với bề

quan toả cảng, vừa khắc phục được sự thần thánh hoá giới tự nhiên, cũng là khắc phục được tính hạn chế tự nhiên của con người. *Mặt khác*, C.Mác nhấn mạnh, cùng với ý nghĩa khắc phục tính hạn chế tự nhiên đó, tư bản lại tạo ra tính hạn chế về xã hội của con người, hình thành sự dị hoá phổ biến. Đây là vấn đề chỉ có thể được giải quyết bởi thực tiễn chủ nghĩa xã hội, chỉ có thực tiễn chủ nghĩa xã hội mới có thể kết thúc lịch sử uống rượu bằng đầu lâu người, thực hiện lý tưởng chủ nghĩa cộng sản: “Con người xã hội hoá, những người sản xuất liên kết với nhau sẽ điều chỉnh một cách hợp lý sự biến đổi vật chất giữa họ và tự nhiên, đặt chúng dưới sự khống chế của mình, không để trở thành kẻ bị thống trị bởi lực lượng mù quáng đó, dựa vào sự tiêu hao năng lượng nhỏ nhất để tiến hành thay đổi vật chất dưới những điều kiện xứng đáng và phù hợp với bản tính của con người”(9).

Trong thời đại của D.Ricardo, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa là phương thức sản xuất phù hợp nhất để phát triển lực lượng sản xuất xã hội, nhưng là phương thức sản xuất phải trả giá bởi sự hy sinh của quảng đại quần chúng nhân dân. Đó không chỉ là sự hy sinh của quần chúng nhân dân tại các nước tư bản chủ nghĩa, xét trên phạm vi toàn cầu, mà còn phải xét tới các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, giống như cái giá mà quảng đại quần chúng nhân dân của những dân tộc đông dân, như Trung Quốc, phải bỏ ra.

Trở lại với cái mà chúng ta cần bàn đến là vấn đề của Trung Quốc. Trung Quốc cần

(7) *Toàn tập Mác - Ăngghen* t.26, q.II. Sđd., tr.124 - 125 (tiếng Trung).

(8) *Toàn tập Mác - Ăngghen*, q.1. Sđd., tr.773.

(9) *Toàn tập Mác - Ăngghen*, t.25. Sđd., tr.926 - 927.

thực hiện hiện đại hoá, nhưng liệu có nhất thiết đi theo con đường tư bản chủ nghĩa cùng với cái giá của nó là hy sinh sự phát triển con người mà các nước phương Tây đã lựa chọn? Trên thực tế, trong giới học thuật chúng ta có người cho rằng cần như vậy. Song, quan điểm đó đã không tính đến một nhắc nhở quan trọng của C.Mác khi ông giới hạn phạm vi một cách rõ ràng về “tính tất yếu lịch sử” của phong trào tư bản chủ nghĩa với nền tảng là sự bóc lột nông dân chỉ có ở các nước Tây Âu”(10).

Điều đó có nghĩa là đã đề cập đến vấn đề về thế giới quan lịch sử triết học: làm thế nào để lý giải mối quan hệ giữa quy luật phát triển xã hội phổ biến với con đường phát triển của từng dân tộc. Trong cách lý giải công thức hoá về chủ nghĩa duy vật lịch sử từ trước đến nay, hầu như đều đặt hai vế nêu trên ngang nhau. Kiểu lý giải công thức hoá này đã coi quy luật phát triển xã hội như trình tự các phép toán của máy tính đã được lập trình từ trước, mà bất cứ dân tộc nào, bất cứ cá nhân nào, bất kể ở trong điều kiện lịch sử nào, hoàn cảnh lịch sử ra sao, đều chỉ có thể đi theo trình tự các bước này. Trên thực tế, đây là một kiểu thuyết quyết định rập khuôn máy móc. Thuyết quyết định biện chứng của chủ nghĩa duy vật lịch sử cho rằng, kiểu nhìn nhận lịch sử một cách máy móc như vậy, xét cho cùng, là một kiểu chủ nghĩa duy tâm lịch sử, là một kiểu thuyết dự đoán, nó coi quy luật lịch sử là thứ thần bí “không hề có chút liên quan nào tới con người trong xã hội”, là thứ bất biến vĩnh hằng “tồn tại trước cuộc sống sôi nổi, sinh động của con người”(11). Trên thực tế, quy luật phát triển lịch sử của xã hội là mối liên hệ tất yếu khách quan được hình

thành và tiến hành thông qua hoạt động lịch sử của con người, là mối quan hệ nhân quả tất yếu khách quan giữa tiền đề vật chất mà con người với tư cách xuất phát điểm hoạt động lịch sử đó (hoàn cảnh lịch sử xã hội) với quá trình hoạt động của con người và kết quả của nó. Trong đó, lựa chọn giá trị của con người, xây dựng mục tiêu cũng là một khâu không thể thiếu của mối quan hệ nhân quả này. Sự lựa chọn chủ quan khác nhau sẽ dẫn đến những kết quả khác nhau. Bất luận thành bại, được mất ra sao thì cũng đều là kết quả mà quy luật khách quan mang lại thông qua hoạt động của con người. Điều cốt yếu của sự thành bại được quyết định bởi việc lựa chọn giá trị của chủ thể hoạt động lịch sử có phù hợp với quy luật khách quan phát triển lịch sử hay không. Bởi vậy, quy luật phổ biến của sự phát triển lịch sử sẽ không tương đồng với con đường phát triển của các dân tộc. Ví dụ, Trung Quốc và Ấn Độ đều từng là quốc gia lạc hậu và bị xâm chiếm, do hoàn cảnh lịch sử và sự lựa chọn chủ quan khác nhau, hai quốc gia đã lựa chọn con đường phát triển không giống nhau - chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản. Hai kết quả khác nhau, nhưng hình thức thực hiện lại cùng một quy luật xã hội - hình thành trong hoàn cảnh lịch sử khác nhau và sự lựa chọn chủ quan khác nhau dưới điều kiện lịch sử hiện đại. “Những sự việc vô cùng giống nhau, nhưng lại xuất hiện trong hoàn cảnh lịch sử khác nhau sẽ mang lại những kết quả hoàn toàn khác nhau. Nếu như lần lượt phân tích, nghiên cứu kết quả có được trong các quá trình phát triển, sau đó so sánh chúng với nhau,

(10) *Toàn tập Mác - Ăngghen*, t.19. Sđd., tr.268.

(11) *Toàn tập Mác - Ăngghen*, t.4. Sđd., tr.128, 149.

chúng ta sẽ dễ dàng tìm thấy chìa khoá để lý giải hiện tượng này; nhưng nếu sử dụng chỉ một chiếc chìa khoá vạn năng là lý luận triết học lịch sử chung thì sẽ không bao giờ đạt được mục đích. Điểm ưu việt nhất của lý luận triết học lịch sử nằm ở tính siêu lịch sử của nó”(12). Đây là sự phê phán sâu sắc của C.Mác về sự lý giải công thức hoá quy luật phát triển của lịch sử xã hội.

Về việc Trung Quốc lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa có phải là vượt qua giai đoạn lịch sử, đi ngược lại quy luật khách quan của sự phát triển lịch sử hay không, quan điểm của tôi là: “Giả như trong phạm vi độc lập của một quốc gia, Trung Quốc thực sự đã vượt qua giai đoạn phát triển độc lập của chủ nghĩa tư bản. Tuy nhiên, xét trên góc độ lịch sử thế giới, bằng một phương thức đặc biệt, dưới những điều kiện sinh tồn quốc tế của tư bản, Trung Quốc đã trải qua một tiến trình lịch sử tàn khốc, vô nhân đạo của chủ nghĩa tư bản, đi qua thời đại tư bản chủ nghĩa. Trong sự tiến quân thắng lợi của chủ nghĩa tư bản hướng ra thế giới, rốt cuộc có tai hoạ nào không rơi vào đầu người dân Trung Quốc? Trong sự đấu tranh sống còn với các cường quốc đế quốc chủ nghĩa, một đất nước Trung Quốc lâm vào bước đường cùng đã thai nghén và rèn luyện được giai cấp vô sản và đội ngũ tiên phong có khả năng chiến đấu đặc biệt, từ đó hình thành cơ sở xã hội cho cách mạng xã hội chủ nghĩa”. Chính sự bành trướng ra thế giới của chủ nghĩa tư bản quốc tế đã tạo ra hoàn cảnh lịch sử đặc thù, đi ngược lại với ý nguyện của chính giai cấp tư sản, khiến cho đất nước Trung Quốc với hơn 1 tỷ dân đã đi theo con đường xã hội chủ nghĩa. Trong bối cảnh đó, nếu như lựa chọn đi theo con đường tư bản chủ nghĩa

một cách cứng nhắc có nghĩa là đã bỏ cơ hội lịch sử, có thể chần hững nước n bằng phương pháp nhân đạo mà lịch sử (giới đã dành cho dân tộc Trung Qu phạm phải sai lầm có tính thời đại ch chính... Vì vậy, cách mạng xã hội c nghĩa của Trung Quốc là một sự kiện tính lịch sử thế giới chân chính(13).

Nắm bắt chính xác cơ hội lịch sử thì thế tìm được những bằng chứng xác th về lịch sử thế giới. Ví dụ, giữa thế kỷ XI chế độ nông nô ở Nga đã cản trở nghi trọng sự phát triển của chủ nghĩa tư b cuộc chiến tranh Crimean càng làm thêm trầm trọng, phong trào nông d ngày một dâng cao. Chính phủ Alexand bị ép phải thực hiện cải cách vào n 1861. Cải cách bảo vệ lợi ích của giai c địa chủ, giữ lại những tàn dư của chế nông nô, thế nhưng lại tạo điều kiện c chủ nghĩa tư bản phát triển. Chornishev Nikolai Gavrilovich đưa ra một vấn c nước Nga nên giống như sự hy vọng c các nhà kinh tế học theo phái tự do, đ tiên thiêu huỷ toàn bộ công xã nông th để quá độ lên chế độ tư bản chủ nghĩa, h là tương phản với nó, phát triển điều ki lịch sử đặc hữu thì sẽ có thể giành đư toàn bộ thành quả mà không cần trải qu mọi khó khăn gian khổ của chế độ tư b chủ nghĩa. Trong bức thư gửi Ban biên t Tạp chí *Tổ quốc ký sự*, C.Mác đã chỉ r rằng, “nếu như nước Nga tiếp tục đi th con đường mà họ đã bắt đầu vào năm 186 thì họ sẽ đánh mất cơ hội tốt nhất mà lị sử đương thời có thể mang lại cho một đ

(12) *Toàn tập Mác - Ăngghen*, t.19. Sdd., tr.131.

(13) Xem: *Quan điểm duy vật lịch sử không phải “thứ triết học siêu lịch sử chung chung”* đăng trên T chí *Nghiên cứu triết học*, 1987.

tộc và sẽ phải chịu mọi khó khăn, bất hạnh đến cùng cực do chế độ tư bản chủ nghĩa gây ra”(14). Cơ hội lịch sử này thể hiện thời khắc mang tính năng động và sự sáng tạo tinh thần vĩ đại của chủ thể hoạt động lịch sử. Chủ nghĩa duy vật lịch sử không phủ nhận tính năng động của chủ thể.

Dưới ánh sáng chói lọi của Cách mạng Tháng Mười, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc, đất nước Trung Quốc thế kỷ XX đã không bỏ lỡ cơ hội tốt nhất mà lịch sử thế giới mang lại để tiến lên chủ nghĩa xã hội. Hơn nửa thế kỷ sau khi nước Trung Quốc mới ra đời, thực tế đã chứng minh một cách hùng hồn rằng, chỉ có chủ nghĩa xã hội mới có thể cứu Trung Quốc. Nhưng, “thế nào là chủ nghĩa xã hội, xây dựng chủ nghĩa xã hội như thế nào?”. Đó là vấn đề mà Đảng Cộng sản Trung Quốc đã dày công tìm kiếm lời giải đáp, từ Mao Trạch Đông cho đến Đặng Tiểu Bình, trải qua bao khó khăn trở ngại để cuối cùng đi đến thành công rực rỡ, mở ra con đường xã hội chủ nghĩa mang đặc sắc Trung Quốc hôm nay. Cái gọi là lợi dụng cơ hội lịch sử của C.Mác, nói một cách đơn giản, chính là lợi dụng điều kiện mà lịch sử mang lại để phát triển lực lượng sản xuất, giải quyết vấn đề bằng phương thức nhân đạo thay vì phương thức vô nhân đạo của chủ nghĩa tư bản, tiếp thu mọi thành quả tích cực của chủ nghĩa tư bản một cách nhân đạo, điều này chỉ có ở chủ nghĩa xã hội. Đúng như đồng chí Đặng Tiểu Bình đã nói: “Cần thực hiện chủ nghĩa cộng sản, nhất định phải hoàn thành nhiệm vụ của giai đoạn chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ rất nhiều, nhưng điều cơ bản chính là phát triển lực lượng sản xuất, trên cơ sở phát triển lực lượng sản xuất mà thể hiện tính

ưu việt hơn chủ nghĩa tư bản, tạo cơ sở vật chất để tiến hành xây dựng chủ nghĩa cộng sản”(15).

Tuy nhiên, muốn phát triển lực lượng sản xuất bằng phương thức nhân đạo, vấn đề cơ bản là làm thế nào để có thể tránh được những hậu quả tiêu cực của chủ nghĩa tư bản. Về vấn đề này, đồng chí Đặng Tiểu Bình đã nhấn mạnh: bản chất của chủ nghĩa xã hội là giải phóng và phát triển lực lượng sản xuất, xoá bỏ bóc lột, xoá bỏ phân hoá hai cực - phân hoá giàu nghèo để mang lại sự giàu có chung. Ông đặc biệt chỉ rõ: “Mục tiêu của chủ nghĩa xã hội chính là nhân dân cả nước đều giàu có, không phải là phân hoá hai cực. Nếu như chính sách của chúng ta dẫn đến sự phân hoá hai cực thì có nghĩa là chúng ta đã thất bại; nếu như phát sinh bất kỳ giai cấp tư sản mới nào, nghĩa là chúng ta đã đi lệch đường”(16).

Nói một cách cầu thị, với những điều kiện trong nước và quốc tế hiện nay, nếu các nước đang phát triển mà không thực hiện kinh tế thị trường, thì hô hào “phát triển lực lượng sản xuất” chỉ là “hữu danh vô thực”. Đối với những vấn đề phức tạp, như tồn tại sự khác biệt giữa thành thị và nông thôn, điều kiện phát triển giữa các khu vực không cân bằng cho đến các hạn chế về thể chế, việc thực hiện kinh tế thị trường khó tránh khỏi xuất hiện sự phân hoá giữa các nhóm xã hội về mặt lợi ích, khoảng cách giàu nghèo ngày một tăng dẫn đến phân hoá hai cực. Đó đều là những yếu

(14) *Toàn tập Mác - Ăngghen*, t.19. Sđd., tr.129.

(15) *Đặng Tiểu Bình văn tuyển*, t.3. Nxb Nhân dân, 1993, tr.137 (tiếng Trung).

(16) *Đặng Tiểu Bình văn tuyển*, t.3. Sđd., tr.110 - 111.

tổ ảnh hưởng đến tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội.

Vì thế, trong những năm cuối đời, Đặng Tiểu Bình vẫn không ngừng nhấn mạnh: “1,2 tỷ dân Trung Quốc làm giàu thế nào, sau khi giàu có sẽ phân phối của cải như thế nào, đó đều là những vấn đề lớn. Vấn đề đã xuất hiện, giải quyết nó còn khó khăn hơn giải quyết vấn đề phát triển. Vấn đề phân phối là vô cùng lớn. Chúng ta cần phải ngăn ngừa sự phân hoá hai cực, trên thực tế thì sự phân hoá hai cực xuất hiện một cách tự nhiên, song cần sử dụng các biện pháp, phương pháp và phương án hữu hiệu nhằm giải quyết những vấn đề này”. “Sau khi Trung Quốc phát triển tới một trình độ nhất định, nhất thiết phải tính đến vấn đề phân phối”, “nếu như chỉ có một số ít người giàu, thì sẽ rơi vào chủ nghĩa tư bản”(17).

Liên hệ với tình hình hiện nay, và tiếp thu những tư tưởng quan trọng mang tính chỉ đạo trên, có thể nhận thức được rằng:

Một là, sự khác nhau về bản chất giữa hiện đại hoá xã hội chủ nghĩa và hiện đại hoá tư bản chủ nghĩa không nằm ở việc có chú trọng vào phát triển lực lượng sản xuất hay không, chủ nghĩa xã hội không thể được xây dựng dựa trên trình độ phát triển yếu kém của lực lượng sản xuất. Sự khác biệt bản chất nhất chính là ở chỗ, có thể hy sinh sự phát triển của cá nhân để phát triển sản xuất hay không, có dẫn đến và làm nghiêm trọng hơn sự phân hoá hai cực hay không? Lực lượng sản xuất không thể phát triển đơn lẻ nếu tách rời quan hệ sản xuất. Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất là hai mặt không thể chia cắt trong hoạt động sản xuất xã hội thống nhất, nếu chế độ công hữu của chủ nghĩa xã hội đánh

mất vị trí chủ thể trong hệ thống quan hệ sản xuất xã hội, thì nhất định sẽ dẫn đến phân hoá hai cực, bản thân lực lượng sản xuất không những không được phát triển mà sẽ bị phá hoại nghiêm trọng.

Ở đây, có một vấn đề đặt ra là, cần lý giải như thế nào về lý luận chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung Quốc của Đặng Tiểu Bình, trong đó bao gồm việc lý giải như thế nào về luận đoán “nhiệm vụ cơ bản nhất của giai đoạn xã hội chủ nghĩa là phát triển lực lượng sản xuất” của ông? Hồ Thành chỉ rõ: “Tác phẩm của Đặng Tiểu Bình không phải là những cuốn sách giáo khoa thông thường, đưa ra những định nghĩa chung hoặc giải thích chung. Mục đích của ông không phải chỉ tìm ra công thức chung, mà là phải giải quyết... vấn đề thực tế xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc”. Đồng thời, Hồ Thành cũng nhấn mạnh rằng, mục đích của Đặng Tiểu Bình là giải quyết vấn đề thực tế, tổng kết kinh nghiệm lịch sử của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc, đồng thời đề cập đến kinh nghiệm lịch sử của chủ nghĩa xã hội quốc tế, do vậy, nó đã cung cấp nội dung mới cho lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học của C.Mác; rằng, việc “đặt nhiệm vụ phát triển lực lượng sản xuất lên hàng đầu, đương nhiên không phải chỉ nói phát triển lực lượng sản xuất mới là chủ nghĩa xã hội”. Theo lý luận của Đặng Tiểu Bình, “đặc điểm khác nhau giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản chính là cùng làm giàu, không có sự phân hoá hai cực”. Do vậy, chế độ công hữu và chế độ phân phối theo lao động, đối với các nước xã hội chủ nghĩa không phải là nguyên tắc lúc có lúc

(17) *Đặng Tiểu Bình niên phả (1975-1997)*. Nxb Văn hiến Trung ương, 2004, tr.1356-1357 (tiếng Trung).

không". "Lấy chế độ công hữu làm chủ thể, cùng làm giàu, đó là nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa xã hội mà chúng ta nhất định phải giữ vững"(18). Giữ vững nguyên tắc lấy chế độ công hữu làm chủ thể và phân phối theo lao động, đó chính là làm cho quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa giữ vị trí chủ đạo trong cơ sở kinh tế. Thuyết minh của Hồ Thành giúp cho phương thức tư duy thoát khỏi "hai điều phàm là", lý giải một cách đầy đủ và chính xác lý luận của Đặng Tiểu Bình.

Hai là, lý giải và xử lý chính xác mối quan hệ về quan niệm phát triển khoa học: lấy xây dựng kinh tế làm trung tâm, phát triển lực lượng sản xuất và thực hiện toàn diện "lấy dân làm gốc". Điểm mấu chốt trong đó là lý giải đầy đủ và chính xác về khái niệm lực lượng sản xuất của triết học Mác. Quan niệm đang thịnh hành hiện nay - lý giải mệnh đề "khoa học - kỹ thuật là lực lượng sản xuất hàng đầu" cũng không đầy đủ, bởi chỉ dựa trên góc độ "vật" và phương diện "lượng". Cách lý giải này giống như thuyết duy vũ khí trong quân sự, chỉ nhìn thấy tác dụng của "vật". Đó không phải là quan điểm duy vật lịch sử biện chứng, mà là một kiểu duy vật máy móc. Khoa học kỹ thuật hiển nhiên là vô cùng quan trọng, song nó do con người phát minh ra và nắm giữ. Đặng Tiểu Bình nói: "Khoa học kỹ thuật là lực lượng sản xuất hàng đầu" là muốn nhấn mạnh phải coi trọng tri thức, coi trọng nhân tài, nhấn mạnh tầng lớp trí thức là một bộ phận không thể tách rời của giai cấp công nhân. Nếu những quan điểm này bị tách rời thì chứng tỏ không hiểu gì về chủ nghĩa duy vật lịch sử.

Thế giới quan duy vật lịch sử cho rằng, trong các bộ phận cấu thành lực lượng sản

xuất có yếu tố "vật" và yếu tố "con người", yếu tố khách thể và yếu tố chủ thể. Yếu tố khách thể chỉ đối tượng lao động, công cụ, phương tiện. Khoa học kỹ thuật cần phải được "vật" hoá (công cụ, máy móc, thiết bị...) mới có thể trở thành lực lượng sản xuất. Yếu tố chủ thể của lực lượng sản xuất là người lao động. Chủ thể lao động nắm giữ khoa học kỹ thuật, trên thực tế trở thành yếu tố thực tiễn của sản xuất mới có thể chuyển hoá thành bộ phận hữu cơ của lực lượng sản xuất. Vì vậy, C.Mác khẳng định: "Trong tất cả công cụ sản xuất, lực lượng sản xuất lớn mạnh nhất là bản thân giai cấp cách mạng"(19).

Điều cần nói rõ ở đây là xét về mặt ngôn ngữ, C.Mác dường như đặt giai cấp cách mạng vào phạm trù "công cụ sản xuất", nhưng xuyên suốt vấn đề ở trên đã cho thấy, ông đã xuất phát từ ý nghĩa của sản xuất tư bản chủ nghĩa để trình bày quan điểm của mình. Tư bản từ xưa đến nay luôn coi giai cấp lao động như một công cụ, phương tiện. Dựa vào cách lý giải của C.Mác thì rõ ràng hoàn toàn tương phản với phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa coi người lao động là mục đích, chứ không phải là phương tiện. Từ đây, có thể lý giải ý nghĩa quan trọng đầu tiên trong tư tưởng "Ba đại diện" - "bản thân giai cấp cách mạng" phải là đại diện cho "lực lượng sản xuất lớn mạnh nhất". Nếu như các mối quan hệ trong xã hội cản trở sự phát triển của lực lượng sản xuất, lực lượng sản xuất

(18) Hồ Thành. *Thế nào là chủ nghĩa xã hội, làm sao xây dựng chủ nghĩa xã hội*, đăng trên *Nhật báo Nhân dân*, ngày 17 tháng 6 năm 1994.

(19) Xem thêm *Lý thuyết mới về giá trị Trung Quốc*. Nxb Giáo dục nhân dân, 1994, tr.199-200 (tiếng Trung).

tất sẽ tạo phản. Lực lượng sản xuất tạo phản là gì, điều này có lẽ không cần nói chúng ta cũng đã biết.

Một triết gia người Nhật theo chủ nghĩa Mác đã chỉ ra rằng, lực lượng sản xuất bất luận trong hình thái đối tượng hay chủ thể đều được hình thành bởi hai yếu tố là “chất” và “lượng”. Trong lôgic của tư bản, họ chỉ quan tâm đến giá trị sử dụng của sản phẩm, bởi nó làm nên giá trị trao đổi của sản phẩm (liệu có khả năng tối đa hoá lợi nhuận hay không); vì vậy, họ chủ yếu quan tâm đến sự tăng trưởng về “lượng” của lực lượng sản xuất. Nếu như có thể thống nhất cả hai phương diện “chất” và “lượng” của lực lượng sản xuất, thì sẽ không tồn tại mâu thuẫn giữa nguyên lý về phát triển lực lượng sản xuất theo thế giới quan duy vật lịch sử và ý tưởng có thể duy trì sự phát triển đó.

Tương tự, nếu chúng ta có thể phân tích một cách toàn diện sự cấu thành của lực lượng sản xuất dưới các góc độ chủ thể và khách thể, chất và lượng, thì cũng không có lý do gì khiến không thể lý giải một cách xác thực hơn, cặn kẽ hơn đối với khái niệm giải phóng và phát triển lực lượng sản xuất. Như vậy, chẳng phải là phát triển kinh tế - xã hội và quan điểm “lấy dân làm gốc” càng trở nên thống nhất, hài hoà hơn sao?

Điều này sẽ liên quan tới rất nhiều vấn đề. Ở đây, chúng tôi chỉ xin nêu một ví dụ. Như chúng ta đã biết, Trung Quốc là một nước nông nghiệp. Do đó, hiện đại hoá chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung Quốc cũng có nghĩa là hiện đại hoá nông thôn, nông nghiệp, nông dân. Tôi còn nhớ, nhà xã hội học nổi tiếng Phí Hiếu Thông đã dành cả đời mình để theo đuổi vấn đề này. Ông cho rằng, nếu như chủ nghĩa xã hội

của Trung Quốc đi theo con đường của phương Tây, nghĩa là phải hy sinh bằng sự phá sản của nông dân thì hậu quả sẽ khó mà tưởng tượng nổi, vì nông dân chiếm đại đa số dân số toàn quốc. Từ đó, có thể hiểu được “lấy dân làm gốc” lẽ nào lại không coi trọng vấn đề “tam nông”? Giải phóng lực lượng sản xuất chính là giải phóng người công nhân, nông dân, trí thức, là trang bị cho họ những quan niệm giá trị và khoa học kỹ thuật tiên tiến nhất.

Tóm lại, xã hội loài người ngay từ khi mới bắt đầu đã phải đối mặt với vô vàn mâu thuẫn giữa phát triển kinh tế - xã hội và phát triển con người. Trong giai đoạn đầu, con người phụ thuộc vào cộng đồng nguyên thủy, sau này đến kinh tế hàng hoá, rồi đến thời đại tư bản, mâu thuẫn giữa phát triển kinh tế - xã hội với phát triển con người càng gay gắt và trở thành đối kháng. Trung Quốc đã lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa, nghĩa là có hy vọng góp phần vào việc xoá bỏ mâu thuẫn và đối kháng đó.

Tuy nhiên, chúng ta cần phải tỉnh táo, bởi như đồng chí Đặng Tiểu Bình từng nói, “Người dân Trung Quốc tháo vát, nhưng vấn đề sẽ ngày càng nhiều, vấn đề mới có thể phát sinh bất cứ lúc nào... Vấn đề sau khi phát triển không hề ít hơn khi chưa phát triển”(20).

Vì vậy, chúng ta không được phép ngừng tìm tòi. Đó thực sự là một công trình của hy vọng, công trình của vận mệnh! □

Người dịch: ThS. TRẦN THUYẾT NGỌC
(*Khoa Triết học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội*)

(20) *Đặng Tiểu Bình niên phả (1975-1997)*. Sđd., tr.1364.